

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SƠN LA
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2017/HSST
Ngày 30-11-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SƠN LA, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cẩm Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Quàng Văn Pậu.

2. Bà Hoàng Thanh Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Anh Tú - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Ngân Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 30/11/2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 30/2017/HSST ngày 17 tháng 11 năm 2017 đối bị cáo:

Vũ Văn T (tên gọi khác: không), sinh ngày 25/8/1975 tại Thanh Miện, Hải Dương; Nơi đăng ký HKTT: Tổ 6, phường C, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Kinh; Đảng phái, đoàn thể: Không; Con ông Vũ Văn K, sinh năm 1954 và bà Phan Thị M, sinh năm 1955; Bị cáo có vợ là Phan Thị H, sinh năm 1980 và 03 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:** Ông Lò Văn K, sinh năm 1970; trú tại: bản Q, xã N, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1966, trú tại: bản T, xã N, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Chị Phan Thị H, trú tại: Tổ 6, phường C, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Vũ Văn T bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng đầu năm 2016 ông Lò Văn K, sinh năm 1970, trú tại: bản Q, xã N, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La có con trai là Lò Văn L, sinh năm 1994 và em trai là Lò Văn K, sinh năm 1980 bị khởi tố, tạm giam tại trại tạm giam công an tỉnh Sơn La về hành vi giết người. Ông K có nguyện vọng muốn con trai và em trai sau khi xét xử được chấp hành án tại trại tạm giam công an tỉnh Sơn La đóng trên địa bàn xã Chiềng Mung, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La để gia đình dễ thăm gặp, tiếp tế. Ông K đã nhờ bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1966, trú tại: Bản T, xã N, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La hỏi tìm người giúp gia đình ông K.

Vũ Văn T có hộ khẩu thường trú tại thành phố Sơn La, nhưng thường xuyên vào huyện Sông Mã để mua bán, luân chuyển hàng hóa từ Sông Mã ra thành phố. Vào ngày 10/3/2016 Vũ Văn T đi bán hàng tại huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La ghé vào nhà bà Nguyễn Thị P để chơi, trong khi ngồi nói chuyện, bà P kể cho T biết về việc của gia đình ông Lò Văn K và hỏi T có biết ai lo được việc cho ông K thì giới thiệu. T có nói với bà P là có quan hệ anh em bên ngành công an có thể lo được việc cho ông K, đề T về hỏi và báo lại sau. Một thời gian sau, bà P liên lạc lại cho T cung cấp thông tin về việc con trai và em trai ông K đã bị tòa án xử phạt 5 năm tù giam, T có nói với bà P là sẽ lo được cho con trai, em trai ông K ở lại trại tạm giam công an tỉnh Sơn La để thụ án, đồng thời yêu cầu gia đình ông K chuẩn bị số tiền là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) để T xin giúp. Bà P có nói là gia đình ông K khó khăn nên muốn xin giảm tiền xuống thì T đồng ý giảm xuống còn 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng), đồng thời hứa nếu không lo được sẽ hoàn trả lại đầy đủ số tiền được nhận. Sau đó, bà P đã nói sự việc trên với ông K, khoảng 10 ngày sau, ông K đã chuẩn bị đủ tiền và mang đến giao cho bà P số tiền 43.000.000đ (bốn mươi ba triệu đồng) trong đó cho bà P 3.000.000đ (ba triệu đồng) để cảm ơn, còn lại để đưa cho T. Sau khi nhận được tiền của ông K, bà P đã gọi điện thoại thông báo cho T, T yêu cầu bà P chuyển vào tài khoản ngân hàng Agribank mang tên T số tiền 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng) còn lại số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) T cho bà P. Ngày 22/6/2016 bà P đã chuyển đủ số tiền 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng) vào tài khoản mang tên Vũ Văn T, sau khi chuyển tiền xong, bà P gọi điện thoại báo cho T, T đã đi ra ngân hàng Agribank chi nhánh Ân Sinh thuộc Phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La rút toàn bộ số tiền nêu trên về tiêu xài hết. Ngày 12/4/2017 con trai và em trai ông K đã chuyển chấp hành án phạt tù tại trại giam Yên Hạ, Bộ công an đóng trên địa bàn huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Do T không thực hiện đúng lời hứa với ông K nên ông K đã nhiều lần liên hệ qua bà Nguyễn Thị P và liên hệ trực tiếp với Vũ Văn T để đòi lại số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) nhưng T không trả. Ngày 17/6/2017, ông Lò Văn K có đơn trình báo tại Công an tỉnh Sơn La.

Ngày 09/7/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố Sơn La triệu tập Vũ Văn T đến trụ sở làm việc, tại đây T khai nhận hành vi phạm tội,

đồng thời giao nộp tại cơ quan điều tra số tiền 35.000.000đ để trả lại cho ông Lò Văn K.

Ngày 17/7/2017, bà Nguyễn Thị P giao nộp tại cơ quan điều tra số tiền 8.000.000đ (tám triệu đồng).

Ngày 12/10/2017, ông Lò Văn K có đơn xin lại tài sản. Ngày 13/10/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố Sơn La ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại số tiền 43.000.000đ (bốn mươi ba triệu đồng) cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Lò Văn K.

Quá trình điều tra, Vũ Văn T khai nhận: Do bản thân đang cần tiền nên đã nảy sinh ý định lừa ông K để lấy tiền, T nói với bà P và sau đó nói qua điện thoại với ông K là mình có nhiều mối quan hệ trong ngành Công an, có khả năng giúp được Lò Văn L, Lò Văn K sau khi xét xử được chấp hành án tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Sơn La, với số tiền gia đình ông K phải đưa cho T là 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng). Khi ông K giao tiền cho bà P, T đã yêu cầu bà P chuyển vào tài khoản ngân hàng Agribank mang tên T số tiền 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng) còn lại số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) T cho bà P. Ngày 22/6/2016 bà P đã chuyển đủ số tiền 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng) vào tài khoản mang tên Vũ Văn T, sau khi chuyển tiền xong, bà P gọi điện thoại báo cho T, T đã đi ra ngân hàng Agribank chi nhánh Ân Sinh thuộc Phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La rút toàn bộ số tiền nêu trên về tiêu xài hết.

Do có hành vi nêu trên tại bản cáo trạng số: 156/KSĐT ngày 18/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La đã truy tố Vũ Văn T về tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo khoản 1 điều 139.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát giữ quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị HĐXX. Tuyên bố bị cáo Vũ Văn T phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Áp dụng khoản 1 điều 139; điểm b, h, p khoản 1 điều 46; Điều 31 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Vũ Văn T từ 24 đến 30 tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án này.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La quản lý, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú, làm việc thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 584; Điều 585; Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015:

Chấp nhận việc bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho ông Lò Văn K số tiền 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng). Ông Lò Văn K không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị P không có yêu cầu gì thêm.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện tài liệu chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng.

XÉT THẤY:

Về tố tụng: Người bị hại ông Lò Văn K; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa. Ông K và bà P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và gửi ý kiến đến Hội đồng xét xử, do đó việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 191 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

Về nội dung vụ án:

[1] Vũ Văn T có hộ khẩu thường trú tại thành phố Sơn La, nhưng thường xuyên vào huyện Sông Mã để mua bán, luân chuyển hàng hóa từ Sông Mã ra thành phố. Vũ Văn T không có mối quan hệ với ai trong ngành Công an và bản thân cũng không có khả năng quyết định việc một phạm nhân sẽ chấp hành án phạt tù ở đâu. Do thiếu tiền chi tiêu cá nhân, lại biết ông K đang có con nguyện vọng muốn con trai và em trai sau khi xét xử được chấp hành án tại trại tạm giam công an tỉnh Sơn La đóng trên địa bàn xã Chiềng Mung, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La để gia đình dễ thăm gặp, tiếp tế. Nên T đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) đối với ông K.

Hành vi phạm tội của bị cáo được chứng minh bằng các căn cứ sau: Lời khai nhận tội của bị cáo; Đơn trình báo, lời khai của người bị hại ông Lò Văn K, lời khai người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị P; Biên bản khám xét; Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu; vật chứng trong vụ án; các Giấy biên nhận tiền.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với kết quả điều tra và các tài liệu khác trong hồ sơ. Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận Vũ Văn T phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại điều 139 Bộ luật hình sự.

[2] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân của bị cáo, HĐXX nhận thấy: Do thiếu tiền chi tiêu cá nhân, trong khoảng thời gian từ tháng 3/2016 đến tháng 6/2016, Vũ Văn T không có mối quan hệ với ai trong ngành Công an và bản thân cũng không có khả năng quyết định việc một phạm nhân sẽ chấp hành án phạt tù ở đâu nhưng lại có lời nói gian dối, hứa hẹn có khả năng giúp được Lò Văn L, Lò Văn K (là con và em ông Lò Văn K) sau khi xét xử được chấp hành án tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Sơn La. T đã nhận của

người bị hại với tổng số tiền là 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng). Số tiền chiếm đoạt được T đã cho bà P 5.000.000đ (năm triệu đồng) và chi tiêu cá nhân hết số còn lại. Hành vi phạm tội của bị cáo vi phạm tình tiết định khung hình phạt tại khoản 1 điều 139 Bộ luật hình sự.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Tính chất hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của người bị hại, xâm phạm trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Bản thân bị cáo có đầy đủ hiểu biết, nhận thức được hành vi chiếm đoạt trái phép tài sản là vi phạm pháp luật nhưng do thiếu tiền chi tiêu cá nhân, bị cáo vẫn bất chấp pháp luật thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Do đó cần có mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, đảm bảo biện pháp trừng trị, cải tạo, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên khi áp dụng hình phạt cần cân nhắc về tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, T có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội bị cáo và gia đình bị cáo đã tích cực bồi thường cho người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự cho bị cáo.

Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có khả năng tự cải tạo tại địa phương, do đó không nhất thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, việc xét xử chủ yếu nhằm giáo dục, giúp đỡ bị cáo sửa chữa sai lầm và trở thành công dân có ích cho xã hội. Việc cho bị cáo được cải tạo tại địa phương không gây ảnh hưởng đến việc đấu tranh phòng chống tội phạm và không gây nguy hiểm cho xã hội. Do đó, bị cáo có đủ điều kiện để áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ theo quy định tại khoản 1 Điều 139 và Điều 31 Bộ luật Hình sự. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân nơi cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

[3] *Về hình phạt bổ sung và nghĩa vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 31 và khoản 5 Điều 139 Bộ luật Hình sự:* Hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn, bị cáo không có việc làm ổn định, không có thu nhập, không có tài sản riêng có giá trị, gia đình bị cáo chỉ có duy nhất một ngôi nhà cấp 4 tại tổ 06, phường C, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La là nơi sinh sống của cả gia đình gồm vợ và các con, xét việc áp dụng hình phạt bổ sung và khấu trừ thu nhập là không có khả năng thi hành nên không áp dụng hình phạt bổ sung và khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Ngày 09/7/2017 Vũ Văn T đã tự nguyện giao nộp số tiền 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng) tại cơ quan điều tra để khắc phục hậu quả. Ngày 13/10/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Sơn La đã trao trả lại cho ông Lò Văn K số tiền trên. Ông Lò Văn K không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm.

Đối với số tiền 8.000.000đ (tám triệu đồng) tạm giữ của bà Nguyễn Thị P, ngày 13/10/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an thành phố Sơn La đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trao trả lại cho ông Lò Văn K số tiền trên. Xét thấy đây là tài sản hợp pháp của ông Lò Văn K cần chấp nhận. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị P không có yêu cầu gì thêm.

[5] Về vật chứng vụ án : Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung j7 prime màu xanh đen, có lắp các sim số 0968055679 và 0976458858 thu giữ của Vũ Văn T: Quá trình điều tra xác định chiếc điện thoại trên là của Vũ Văn T sử dụng để liên lạc với bà Nguyễn Thị P. Tuy nhiên, tại phiên tòa Hội đồng xét xử xác định được chiếc điện thoại trên là tài sản hợp pháp của gia đình bị cáo T và vợ là chị Phan Thị H (vợ của bị cáo Vũ Văn T) – Trú tại: Tổ 06, phường C, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Ngày 23/7/2017, Cơ quan CSĐT - Công an thành phố Sơn La đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại chiếc điện thoại và 02 chiếc sim trên cho gia đình bị cáo T và chị H quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Vũ Văn T phạm tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm b, h, p khoản 1 Điều 46; Điều 31 Bộ luật Hình sự năm 1999:

Xử phạt bị cáo Vũ Văn T 24 (Hai mươi bốn) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường C, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án này.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường C, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La quản lý, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 584; Điều 585; Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015:

Chấp nhận việc người bị hại Ông Lò Văn K đã nhận lại số tiền 43.000.000đ (bốn mươi ba triệu đồng) (bao gồm 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng) do bị cáo Vũ Văn T tự nguyện giao nộp và 8.000.000đ (tám triệu đồng)

tạm giữ của bà Nguyễn Thị P). Ông Lò Văn K không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Vũ Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/11/2017).

Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND TP Sơn La (2);
- CATP Sơn La;
- THAPT;
- Chi cục THACP Sơn La;
- Sở Tư pháp Sơn La;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Cầm Thị Thanh Huyền